

# BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VIỆT NAM, THÀNH TỰU VÀ THÁCH THỨC

TRƯƠNG THỊ ĐIỆP\*

**Tóm tắt:** Bình đẳng giới là vấn đề luôn được Đảng và Nhà nước dành sự ưu tiên đặc biệt. Những nỗ lực trong thực hiện bình đẳng giới của Việt Nam đã mang lại nhiều thành tựu to lớn, được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế cần sự vào cuộc của chính quyền, sự tham gia của toàn dân để khắc phục. Dựa trên nguồn số liệu về giới, tình hình triển khai thực hiện bình đẳng giới, bài viết phân tích thành tựu, thách thức và gợi mở một số giải pháp nhằm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** bình đẳng giới; mục tiêu; thành tựu; thách thức

**Abstract:** Gender equality is a basic human right that is supported in Viet Nam by the Party and the State. Efforts in implementing gender equality policies and principles in Vietnam have been recognized by the international community. However, many shortcomings and limitations remain and these require Government, individual and community participation to be resolved. Based on the data collected and current gender equality policy implementation, the article analyzes the achievements and challenges faced by Vietnamese women, and suggests solutions to promote gender equality in Vietnam.

**Keywords:** gender equality; target; achievement; challenge

## 1. Bình đẳng giới, vấn đề được Đảng và Nhà nước quan tâm đặc biệt

Bình đẳng giới là vấn đề được Đảng và Nhà nước ưu tiên đặc biệt, được quy định cụ thể trong luật pháp Việt Nam và các Công ước Quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết. Theo Khoản 3, Điều 5 Luật Bình đẳng giới (2006): “Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.”

\* Trường Chính trị TP. Đà Nẵng

Có thể nói, mục tiêu bình đẳng giới hiện là mối lưu tâm hàng đầu của các quốc gia nói riêng và cộng đồng quốc tế nói chung. Ngay từ năm 1995, Liên Hợp Quốc đã thống nhất quan điểm và thông qua Cương lĩnh hành động Bắc Kinh tại Hội nghị quốc tế về phụ nữ lần thứ tư tại Bắc Kinh (Trung Quốc); vào năm 1979 Liên Hợp Quốc đã thông qua Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW). Năm 2020, Liên Hợp Quốc thông qua với 8 mục tiêu thiên niên kỷ (MDG) trong đó có mục tiêu MDG 3 về thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Gần đây nhất, năm 2015 Liên Hợp Quốc thông qua Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững với 17 mục tiêu phát triển. Đại hội đồng Liên hợp quốc cũng đã quyết định đặt ra nhiều ngày lễ quốc tế, nhiều sự kiện trọng đại vì mục tiêu bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Điều này cho thấy sự ưu tiên đặc biệt của cộng đồng quốc tế về vấn đề bình đẳng giới.

Việt Nam là một trong những quốc gia sớm dành cho công tác bình đẳng giới những ưu tiên nhất định. Cụ thể, trong Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa, Hiến pháp năm 1946, tại Điều 9 đã đề cập đến quyền bình đẳng nam nữ: “Đàn bà ngang quyền với đàn ông trên mọi phương diện”. Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh về vai trò và vị trí của người phụ nữ: “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày càng có thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ phải cố gắng vươn lên. Đó là cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thực sự cho phụ nữ” (Hồ Chí Minh toàn tập, tr 504). Và vấn đề này đã được thể chế hóa thành các văn bản Luật như Luật Bình đẳng giới năm 2006, Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2007 hay ban hành các chương trình hành động như: Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 – 2020, Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020... để đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục, y tế và ngay chính trong gia đình của họ.

## **2. Bình đẳng giới ở Việt Nam, thành tựu và thách thức**

### **2.1. Bức tranh có nhiều “gam màu” sáng**

Để hiện thực hoá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiều dự án đã triển khai thiết lập các mô hình góp phần thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới như: phòng chống bạo lực gia đình tại cộng đồng rất thành công ở Huế, Hải Phòng, Ninh Bình... Điển hình như việc ra đời và duy trì các câu lạc bộ “Cha mẹ học sinh phòng, chống bạo lực gia đình”; “Nam giới tiên phong trong phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em”; “Nhà tạm lánh” đã thu hút được sự tham gia của đông đảo người dân. Điều đó cho thấy rằng hoạt động, biện pháp thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam được đưa thành chương trình hoạt động cụ thể ở từng tỉnh, thành, địa phương đã đem lại nhiều thành tựu đáng kể.

*Về kinh tế:* Việc thực hiện bình đẳng giới trong lao động cũng đạt được nhiều kết quả khả quan. Cụ thể, năm 2017, tỷ lệ nữ giới tham gia lao động chiếm 48,4% lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên. Và với tỷ lệ tham gia lực lượng lao động lên đến 73% trong tổng số phụ nữ trong độ tuổi lao động, tỷ lệ phụ nữ Việt Nam hiện đang đi làm nhiều hơn hẳn so với phần

lớn các quốc gia khác trên thế giới. Tỷ lệ này cũng cao hơn mức trung bình thế giới (49%), cao hơn mức trung bình của khu vực Đông Á - Thái Bình Dương (59%) và nhóm các nước thu nhập trung bình thấp (39%) (Mnet, 2018)

Thêm vào đó, tỷ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh ở nước ta đạt trên 27,8% (chưa bao gồm số liệu về nữ giám đốc, nữ làm chủ trang trại). Như vậy, Việt Nam có tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp cao nhất Đông Nam Á và xếp thứ 19/54 trong bảng chỉ số xếp hạng Chỉ số nữ doanh nhân và xếp thứ 7/54 trong số các nước có nhiều chủ doanh nghiệp là nữ. Việt Nam là quốc gia duy nhất của Châu Á có mặt trong 10 nước cao nhất toàn cầu về chỉ số này (Chính phủ Việt Nam, 2018). Đây là thành quả đáng ghi nhận. Những con số này có thể nói lên nhiều điều nhưng sẽ trở nên sinh động hơn, ý nghĩa hơn nếu nhìn ra thế giới xung quanh. Tại 100 quốc gia, pháp luật công khai loại trừ phụ nữ ra khỏi một số công việc vì lí do giới tính, và tại 18 quốc gia, phụ nữ phải có sự chấp thuận của chồng mới có thể đi làm (UNDP, 2017).

*Về chính trị - xã hội:* Hội LHPN Việt Nam có tổ chức chính trị - xã hội, hoạt động vì sự bình đẳng, phát triển của phụ nữ. Tỷ lệ nữ giới đại diện trong cơ quan lập pháp của Việt Nam luôn thuộc nhóm có thứ hạng cao trong khu vực và trên thế giới, tỷ lệ này ngày càng tăng. Điển hình, quán triệt tinh thần Đại hội XII của Đảng: “Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng” thì tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội luôn duy trì ở mức cao và có xu hướng ngày càng tăng lên. Cụ thể: từ 3% ở Quốc hội khóa I tăng lên 24,4% ở khóa VIII (2011 - 2016) và tỷ lệ này là 26,72% với 133 nữ đại biểu Quốc hội trên tổng số 496 đại biểu ở khóa XIV (2016 - 2021). Cao hơn mức 19% của Châu Á và 21% trung bình toàn cầu, được diễn đàn Kinh tế thế giới xếp hạng 97/144 quốc gia về tỷ lệ nữ tham gia chính trị. Trong bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ở nhiều địa phương tỷ lệ phụ nữ trúng cử vượt dự kiến như: Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ phụ nữ trúng cử đạt 43%; Đại biểu Hội đồng nhân dân quận Cầu Giấy - thành phố Hà Nội, tỷ lệ phụ nữ trúng cử đạt gần 45% (Tạp chí cộng sản điện tử, 2017).

*Trong gia đình:* Hiện nay, có thể nhận thấy rằng việc các thành viên trong gia đình cùng chia sẻ việc nhà đã trở nên phổ biến. Nam giới đã có ý thức trong việc tham gia nuôi dạy con cái; vợ, chồng cùng tham gia bàn bạc, quyết định các vấn đề của gia đình như: phát triển kinh tế gia đình, mua sắm tài sản gia đình... Chính sự chia sẻ này đã dần thay đổi tư duy việc nhà, việc nuôi dạy con cái là của phụ nữ, từ đó góp phần thực hiện bình đẳng giới trong gia đình.

Báo cáo phát triển con người năm 2016, với tiêu đề “Phát triển con người cho tất cả mọi người” của UNDP (2017) cho thấy, Việt Nam với chỉ số bất bình đẳng giới là 0.337, xếp thứ 71/195 quốc gia, vùng lãnh thổ, tiếp tục nằm trong ba nước có thứ hạng tốt nhất tương ứng với chỉ số bất bình đẳng thấp nhất trong các nước ASEAN. Với thành tựu này, Liên hợp quốc đánh giá Việt Nam là điểm sáng trong việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ, một trong những nước có thành tựu về bình đẳng giới cao và được xếp vào nhóm nước có thành tựu bình đẳng giới tốt nhất khu vực Đông Nam Á. Điều này thể hiện bước tiến vượt bậc của Việt Nam trong việc thực hiện bình đẳng giới.

## 2.2. Một số thách thức trong giai đoạn hiện nay

Bình đẳng giới phải được hiểu là sự đối xử công bằng về mặt luật pháp, cũng như vị thế xã hội giữa nam và nữ giới. Những thành tựu đã đạt được trong công tác bình đẳng giới của Việt Nam là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, cũng còn nhiều vấn đề đã và đang tồn tại là trở lực rất lớn cho công tác bình đẳng giới. Cụ thể như sau:

*Về kinh tế:* Chênh lệch thu nhập giữa nam và nữ cùng một vị trí công việc vẫn tồn tại, cơ hội để phụ nữ tiếp cận những việc làm có thu nhập cao vẫn thấp hơn so với nam giới, lao động nữ chưa được đánh giá cao như lao động nam, là đối tượng dễ bị rủi ro và tổn thương hơn khi doanh nghiệp có nhu cầu cắt giảm nhân lực. Đặc biệt là hiện nay, thu nhập bình quân của lao động nữ luôn thấp hơn nam giới. Và theo thống kê, cùng trình độ, vị trí công việc như nam giới, tuy nhiên, trung bình, lao động nữ có thu nhập thấp hơn nam giới 10,7% (Báo Người lao động, 2018).

*Về chính trị - xã hội:* Tỷ lệ nữ giới làm công tác quản lý, lãnh đạo tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn thấp so với các vị trí quản lý, lãnh đạo nói chung, so với sự gia tăng của lực lượng lao động nữ nói riêng. Cụ thể, năm 2017, tỷ lệ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo nữ 40%. Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 6%, cấp huyện là 10%, cấp xã là 11% (Chính phủ Việt Nam, 2018).

*Trong gia đình:* Phụ nữ vẫn làm những công việc nội trợ là chủ yếu; vẫn còn tư tưởng trọng nam khinh nữ trong quá trình sinh con, nuôi con, chăm sóc con cái, kế hoạch hóa gia đình. Ngoài ra, phụ nữ còn gặp những vấn đề khác như là nạn nhân của bạo lực gia đình, buôn bán người, bóc lột lao động, xâm hại tình dục.

## 3. Giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới

Nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế; phá vỡ rào cản trong công tác bình đẳng giới và “Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái” qua 08 mục tiêu cụ thể được ghi nhận tại Tại Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững như: Giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái trong mọi lĩnh vực và ở mọi nơi; Giảm đáng kể mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái nơi công cộng hoặc nơi riêng tư, bao gồm cả hình thức bóc lột tình dục và các hình thức bóc lột khác; Đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả và cơ hội bình đẳng tham gia lãnh đạo của phụ nữ ở tất cả các cấp hoạch định chính sách trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội ... cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau đây:

*Trước hết, phải nâng cao nhận thức về bình đẳng giới*

Hiện nay, “trọng nam, khinh nữ” vẫn đang là tư tưởng không chỉ ảnh hưởng đến quyền lợi của nữ giới mà còn hạn chế sự phát triển của xã hội. Chỉ khi thay đổi được nhận thức, xoá bỏ định kiến về giới thì mới thay đổi được cách hành xử. Chính vì vậy, cả nam và nữ đều phải thay đổi nhận thức, xoá bỏ định kiến phân biệt giới. Để nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, cần thực hiện các biện pháp cụ thể như sau:

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bình đẳng giới với hình thức phù hợp. Trong đó chú trọng quán triệt một số văn bản quan trọng. Ví dụ: Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ cho toàn thể nữ cán bộ, công chức, viên chức, lao động phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị;

- Tích cực khen thưởng, biểu dương kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới;

- Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, pháp luật về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới;

- Tiến đến xoá bỏ dần những phong tục, tập quán lạc hậu, lỗi thời mang định kiến về giới;

- Thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, sinh hoạt, nói chuyện về bình đẳng giới trong các cơ quan, đơn vị, trong các khu dân cư.

*Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện, đẩy mạnh thực hiện các quy định của pháp luật, các chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới*

Cần thay đổi các quy định hiện hành còn chưa phù hợp, hạn chế bình đẳng giới. Cụ thể Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, tại Khoản 1, Điều 71 quy định rõ là: “Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên”. Nhưng Khoản 4 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản trong việc thực hiện chế độ hôn nhân gia đình vẫn tiếp tục duy trì khuôn mẫu giới bởi quy định: “giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình”. Quy định này đồng nghĩa với việc khẳng định trách nhiệm nuôi dạy con cái vẫn thuộc về người mẹ, kế hoạch hoá gia đình chủ yếu vẫn là trách nhiệm của người vợ. Từ đó, đặt ra vấn đề cần điều chỉnh những quy định chưa phù hợp và cần xoá bỏ khuôn mẫu giới ngay tại các văn bản quy phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, trên cơ sở Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới, các địa phương cần ban hành kế hoạch cụ thể để thực hiện. Cần lồng ghép công tác bình đẳng giới vào nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị và chương trình phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương. Thực tế cho thấy, chỉ khi lãnh đạo địa phương quan tâm, chỉ đạo sâu sát thì công tác bình đẳng giới mới thực sự mang lại kết quả rõ nét.

Cần xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm, phân biệt đối xử về giới để răn đe trong xã hội. Các trường hợp này cần phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức như: tổ chức các phiên toà lưu động; tuyên truyền miệng tại tổ dân phố, các khu dân cư; lồng ghép vào các chương trình phát thanh, truyền hình địa phương để tạo hiệu ứng lan toả tốt nhất đủ sức cảnh báo, răn đe để người dân biết và không vi phạm.

### *Thứ ba, tích cực thu hẹp khoảng cách về giới tại nơi làm việc*

Tuy pháp luật đã có quy định cụ thể về nghiêm cấm các hành vi phân biệt đối xử dựa trên giới tính, trên thực tế cần bảo đảm cơ chế triển khai thực hiện các quy định này trên thực tế. Cần nâng cao nhận thức của người lao động và người sử dụng lao động về lợi ích kinh tế và xã hội của bình đẳng giới và thay đổi tư duy của người sử dụng lao động nhằm xoá bỏ những định kiến và rào cản đối với cả nam và nữ.

Bên cạnh đó, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần có cơ chế giám sát các cơ sở lao động trong việc thực hiện chế độ thai sản, cung cấp và xã hội hóa các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc trẻ em để tạo điều kiện tốt nhất cho cả lao động nam và nữ; đảm bảo phụ nữ và nam giới được tạo cơ hội bình đẳng trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao tay nghề; trong lương hay thậm chí là trong thi đua, khen thưởng...

### *Thứ tư, tập trung nhân rộng các mô hình tốt thực hiện bình đẳng giới*

Các địa phương đã triển khai mô hình tuyên truyền về bình đẳng giới như “Câu lạc bộ bình đẳng giới”, tổ công tác “tư vấn, hỗ trợ bạo lực giới”, xây dựng “Nhà tạm lánh” hỗ trợ người bị bạo hành về giới... đã phát huy tác dụng trên thực tế. Tựa vào điều kiện từng địa phương mà cần duy trì, nhân rộng các mô hình này.

Như vậy, có thể thấy rằng bình đẳng giới là vấn đề luôn được Đảng và Nhà nước dành sự ưu tiên đặc biệt. Những nỗ lực trong việc thực hiện bình đẳng về giới đã mang lại nhiều thành tựu to lớn, được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Tuy nhiên, bên cạnh đó, không thể phủ nhận vẫn còn những tồn tại, hạn chế. Dù vậy, bình đẳng giới, vẫn được xác định là mục tiêu phát triển của Việt Nam nói riêng, của cộng đồng quốc tế nói chung; để đạt được mục tiêu này không phải một sớm một chiều mà cần có quá trình lâu dài và sự vào cuộc của chính quyền, sự tham gia của toàn dân.

## **Tài liệu tham khảo**

Báo Người lao động. (2018). *Thu nhập của lao động nữ thấp hơn nam giới 10,7%*.

Chính phủ Việt Nam. (2018). *Báo cáo số 377/BC-CP của Chính phủ về việc thực hiện mục tiêu Quốc gia về bình đẳng giới*. tr 10 - 12.

Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập*, tập 12. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia, tr 504.

Mnet. (2018). *Phụ nữ, việc làm và tiền lương*.

UNDP. (2017). *Các nhóm yếu thế vẫn bị tụt hậu trong các ưu tiên phát triển*.

Tạp chí Cộng sản điện tử (2017): *Tăng tỉ lệ phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển đất nước*